

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 103/2024/LĐ-ST

Ngày: 12 – 7 – 2024

V/v tranh chấp về yêu cầu
tuyên bố hợp đồng lao động vô
hiệu

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tố Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu Yến – Nguyên Phó Trưởng Phòng Lao động –
Thương binh và Xã hội thành phố Thuận An;

2. Ông Lê Văn Công - Nguyên Phó Chủ tịch phường Lái Thiêu, thành phố
Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Hà Giang là Thư ký Tòa án nhân
dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình
Dương tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Vào ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố
Thuận An xét xử sơ thẩm vụ án lao động thụ lý số 16/2024/TLST-LĐ ngày 12
tháng 01 năm 2024 về “tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô
hiệu”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2024/QĐXXST-LĐ ngày 29
tháng 5 năm 2024 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2024/QĐ-LĐ ngày
24 tháng 6 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: Tổ
C, ấp E, thị xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần S; trụ sở: Đường số D, khu công nghiệp Đ,
phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn V – Giám đốc. Vắng
mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1987; địa chỉ thường trú: Xóm Đ, xã Đ, huyện
Y, tỉnh Nghệ An. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Bảo Hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương; trụ sở: Khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương - người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Minh H - Giám đốc. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*) Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Khoảng thời gian từ tháng 5/2005 đến nay, nguyên đơn có ký hợp đồng lao động và làm việc cho tại Công ty TNHH Đ1. Quá trình làm việc, nguyên đơn được Công ty TNHH Đ1 tham gia bảo hiểm xã hội đầy đủ theo quy định. Nay do nhu cầu cá nhân, bà Nguyễn Thị T có liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ để rút bảo hiểm xã hội một lần thì được biết hồ sơ bảo hiểm xã hội của nguyên đơn bị trùng lặp thời gian đóng bảo hiểm xã hội và hướng dẫn nguyên đơn đến Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương để hướng dẫn. Sau khi liên hệ đến Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương thì được biết hồ sơ bảo hiểm xã hội của nguyên đơn bị trùng lặp thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 4/2004 đến tháng 5/2012. Nguyên nhân sự việc là do: Khoảng tháng 4/2004, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bà Đặng Thị Đ muốn ký hợp đồng lao động để kiếm thu nhập phụ giúp gia đình nhưng do chưa đủ tuổi ký hợp đồng lao động nên đã mượn chứng minh nhân dân của nguyên đơn mang số 271646917 cấp ngày 13/11/2015 để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần S (sau đây gọi là Công ty S). Sau khi ký hợp đồng, bà Đặng Thị Đ làm việc đến tháng 5/2012 thì nghỉ việc.

Do nhiều lần liên hệ Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương để giải quyết vấn đề bị trùng thời gian đóng bảo hiểm nhưng không được và được hướng dẫn khởi kiện đến Tòa án để giải quyết về hợp đồng vô hiệu. Nhận thấy việc bà Đặng Thị Đ mượn chứng minh nhân dân của nguyên đơn để ký kết hợp đồng lao động với Công ty S sai qui định, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động tên Nguyễn Thị T (do bà Đặng Thị Đ là người ký kết) với người sử dụng lao động Công ty Cổ phần S trong khoảng thời gian từ tháng 4/2004 đến tháng 5/2012 vô hiệu. Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Việc cho bà Đặng Thị Đ sử dụng chứng minh nhân dân của mình để làm việc tại Công ty S dẫn đến việc trùng lặp quá trình đóng bảo hiểm xã hội là do lỗi của nguyên đơn nên nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Quá trình tố tụng, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Chứng cứ, tài liệu nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Bản sao CCCD, Sổ Bảo hiểm xã hội

*) Bị đơn Công ty Cổ phần S đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng người đại diện theo pháp luật của bị đơn vẫn không đến làm việc cũng như không ủy quyền cho ai đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*) Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Đ trình bày:

Khoảng tháng 3/2004, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bà Đặng Thị Đ muốn đi làm công ty để kiếm tiền phụ giúp gia đình nhưng do chưa đủ tuổi ký hợp đồng lao động nên có mượn chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị T để làm hồ sơ xin việc làm. Sau đó, bà Đặng Thị Đ đã sử dụng Giấy chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị T để làm hồ sơ xin việc vào Công ty Cổ phần S; trụ sở: Đường số D, khu công nghiệp Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Bà Đặng Thị Đ làm việc tại Công ty S từ 4/2004 đến tháng 5/2012 thì nghỉ việc. Trong thời gian làm việc tại đây thì công ty có tham gia và đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội cho bà Đặng Thị Đ. Sau khi nghỉ việc thì bà Đặng Thị Đ về quê sinh sống nên không nhận lại sổ Bảo hiểm xã hội và từ bỏ, cũng không còn quan tâm đến việc nhận trợ cấp liên quan đến bảo hiểm xã hội. Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Đặng Thị Đ không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng, không yêu cầu độc lập trong vụ án, từ chối nhận các quyền lợi liên quan đến quá trình tham gia bảo hiểm xã hội theo Hợp đồng ký kết với Công ty S với tên Nguyễn Thị T, đồng thời bà Đặng Thị Đ yêu cầu giải quyết vắng mặt trong các phiên tòa xét xử đối với vụ án.

*) Đại diện hợp pháp của Cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố T, là ông Phan Minh H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và có ý kiến trình bày như sau:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp (BHTNLĐ-BNN) của Công ty Cổ phần S cho người lao động thì Công ty Cổ phần S có tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho bà Nguyễn Thị T, sinh ngày 16/8/1985, số chứng minh nhân dân 271646917 với mã số bảo hiểm xã hội 9104025279 từ tháng 4/2004 đến tháng 5/2012, đã chốt sổ. Bà Nguyễn Thị T chưa hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần và trợ cấp thất nghiệp đối với mã số bảo hiểm xã hội nêu trên. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Nguyễn Thị T thì cơ quan Bảo hiểm xã hội không lưu trữ. Đối với các yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T thì Bảo hiểm xã hội thành phố T không có ý kiến.

Đối với mã số bảo hiểm xã hội 4705053450 thì Công ty TNHH Đ1 có tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho bà Nguyễn Thị T, sinh ngày 16/8/1985, số chứng minh nhân dân 271646917, số căn cước công dân 040185005095 từ tháng 4/2005 đến tháng 12/2012, chưa chốt sổ. Bà Nguyễn Thị T chưa hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần và trợ cấp thất nghiệp đối với mã số bảo hiểm xã hội nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An trình bày:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng và phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua có yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn là Công ty Cổ phần S; trụ sở: Đường số D, khu công nghiệp Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Căn cứ khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2019 xác định quan hệ pháp luật “tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An.

[2] Các bên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng lao động giữa Công ty Cổ phần S với bà Nguyễn Thị T (do bà Đặng Thị Đ mượn chứng minh nhân dân giao kết hợp đồng). Tuy nhiên, căn cứ vào kết quả tra cứu, đối chiếu dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp (BHTNLD-BNN) của Công ty Cổ phần S thể hiện Công ty Cổ phần S có tham gia bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị T trong khoảng thời gian từ tháng 4/2004 đến tháng 5/2012. Theo dữ liệu do BHXH thành phố T cung cấp thể hiện mức lương chính và mức đóng BHXH tương ứng với từng mốc thời gian. Do đó, có căn cứ xác định bà Đặng Thị Đ có ký kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần S trong khoảng thời gian từ tháng 4/2004 đến tháng 5/2012.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động **Nguyễn Thị T** như sau:

Mã số BHXH 9104025279 tham gia BHXH từ tháng 4/2004 đến tháng 5/2012 tại **Công ty Cổ phần S**.

Mã số BHXH 4705053450 tham gia BHXH từ tháng 4/2005 đến tháng 12/2012 tại **Công ty TNHH Đ1**.

[3.2] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho thấy: Bà **Đặng Thị Đ** do không hiểu biết pháp luật, hoàn cảnh gia đình khó khăn, mong muốn có thu nhập để giúp đỡ gia đình nên đã mượn chứng minh nhân dân của bà **Nguyễn Thị T** ký kết hợp đồng lao động và làm việc tại **Công ty Cổ phần S** từ tháng 4/2004 đến tháng 5/2012. Khi ký kết hợp đồng lao động cũng như quá trình làm việc, bà **Đặng Thị Đ** cố tình che dấu việc sử dụng hồ sơ xin việc giả nên công ty không phát hiện nên vẫn ký hợp đồng và tham gia BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ cho người lao động thể hiện tại Sổ bảo hiểm xã hội số 9104025279. Thực tế, trong khoảng thời gian trên, bà **Nguyễn Thị T** đang làm việc tại **Công ty TNHH Đ1**, dẫn đến việc bà **Nguyễn Thị T** trong cùng một khoảng thời gian được hai Công ty tham gia bảo hiểm xã hội.

[3.3] Việc bà **Đặng Thị Đ** sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của bà **Nguyễn Thị T** để giao kết hợp đồng lao động với **Công ty Cổ phần S** là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994.

[3.4] Do đó, bà **Nguyễn Thị T** yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà **Nguyễn Thị T** (do bà **Đặng Thị Đ** mượn tên) với **Công ty Cổ phần S** trong khoảng thời gian từ tháng 4/2004 đến tháng 5/2012 là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên được chấp nhận.

[3.5] Nguyên đơn chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, ngoài ra không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu độc lập trong vụ án. Mặc dù các đương sự đã được Tòa án giải thích về hậu quả của hợp đồng vô hiệu và quyền yêu cầu nhưng các đương sự không yêu cầu giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Tòa án không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Đối với bị đơn, mặc dù đã được triệu tập nhưng không đến tham gia tố tụng nên trường hợp sau này có phát sinh tranh liên quan đến việc giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu thì được quyền yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác. Sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 5, 32, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Các Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 50 và Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc “tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” đối với Công ty Cổ phần S.

2. Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị T (do bà Đặng Thị Đ ký kết) và Công ty Cổ phần S trong thời gian từ tháng 4/2004 đến tháng 5/2012 vô hiệu.

3. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu:

Cơ quan BHXH có thẩm quyền thực hiện các chế độ BHXH đối với bà Nguyễn Thị T, sinh ngày 16/8/1985, số chứng minh nhân dân 271646917, số căn cước công dân 040185005095, số Sổ BHXH 4705053450 theo quy định pháp luật.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí lao động sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu 300.000 đồng, khấu trừ toàn bộ vào tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001137 ngày 11/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Bảo hiểm xã hội thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

